TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUY XUYÊN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/DS-ST
Ngày 03-6-2022
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY XUYÊN- TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Sơn Hải;

2. Ông Lưu Văn Quân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tình- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2022 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty T

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà R, Số 09 Đ, phường A, quận B, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lô Bằng G, chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh C, sinh năm 1989, trú tại: Số 89 đường H, phường H, quận C, thành phố Đ.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị P, sinh năm 1974.

Trú tại: Khối phố C, thị trấn N, huyện D, tỉnh Q.

Nguyên đơn, bị đơn đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn là ông Nguyễn Anh C trình bày:

Vào ngày 21/10/2019, bà Trần Thị P ký Hợp đồng tín dụng số 20191022-0000310 với Công ty T để vay số tiền 30.595.000 đồng, với lãi suất thoả thuận 3.75%/tháng, để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà Trần Thị P có trách nhiệm thanh toán số tiền 57.574.003 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng; 35 tháng đầu mỗi tháng trả 1.563.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.869.003 đồng, bắt đầu từ ngày 01/12/2019.

Thực hiện hợp đồng, bà Trần Thị P đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Công ty T tổng số tiền 13.999.000 đồng, bao gồm 4.817.398 đồng tiền gốc và 9.181.602 đồng tiền lãi (chi tiết các lần thanh toán như bảng kê lịch sử thanh toán nộp kèm theo đơn khởi kiện). Kể từ ngày 07/01/2022 đến nay, bà Trần Thị P không thanh toán thêm bất kỳ khoản nào dù Công ty đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Do bà Trần Thị P trễ hạn thanh toán nên Công ty T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị P thanh lý hợp đồng trả một lần cho Công ty toàn bộ số tiền nợ bao gồm các khoản sau:

- Trả toàn bộ khoản nợ gốc còn lại: 25.777.602 đồng;

- Trả toàn bộ khoản nợ lãi đến hạn (tính đến 03/6/2022): 16.770.172 đồng.

Tổng số tiền Công ty T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị P phải thanh toán (tính đến ngày 03/6/2022) là: 42.547.774 đồng.

Ngoài ra, Công ty T yêu cầu bà P tiếp tục trả nợ lãi đến hạn theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là 3.75%/tháng, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc còn lại.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 09/5/2022 và tại phiên tòa, bà Trần Thị P trình bày:

Vào ngày 21/10/2019, bà Trần Thị P có ký Hợp đồng tín dụng số 20191022-0000310 với Công ty T để vay số tiền 30.595.000 đồng, với lãi suất thoả thuận 3.75%/tháng, mục đích vay là để có vốn mở quán cà phê kinh doanh. Bên cán bộ tín dụng của Ngân hàng trao đổi với bà P qua điện thoại và gửi hồ sơ cho bà P ký vay, cung cấp cho bà P bảng kế hoạch trả nợ hàng tháng là bà P phải trả cho Ngân hàng số tiền là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi thanh toán xong nợ. Số tiền thực nhận từ Ngân hàng là 29.000.000 đồng, còn 1.595.000 đồng là tiền mua bảo hiểm tiền vay. Bản thân bà P đã trả được tiền nợ trong vòng 10 tháng bao gồm cả tiền nợ gốc và nợ lãi. Giấy tờ trả nợ cho Ngân hàng thì bà P không còn lưu giữ, đã để thất lạc. Do hoàn cảnh gia đình bà P khó khăn và do diễn biến của tình hình dịch Covid 19 nên bà P buôn bán ế ẩm, thua lỗ. Gia đình của bà P có người bị chết vì đại dịch, con cái học đại học ở Thành phố H chi phí tốn kém dẫn đến không có khả năng trả nợ tiếp cho Ngân hàng. Bà P thừa nhận còn nợ số tiền như Công ty T yêu cầu trả, nhưng đề nghị bên Công ty T xem xét cho bà chỉ trả số

nợ gốc là 25.777.602 đồng, đề nghị không thu tiền lãi và được trả nợ hàng tháng cho đến khi xong nợ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Toà án cấp sơ thẩm đã thụ lý và Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đảm bảo kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án; bị đơn không chấp hành đầy đủ pháp luật tố tụng, không tham gia các phiên họp, hòa giải theo thông báo của Tòa án.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị P phải trả nợ vay cho Công ty T theo Hợp đồng tín dụng số 20191022-0000310 ngày 21/10/2019 với số tiền nợ gốc còn lại 25.777.602 đồng và nợ lãi (tính đến 03/6/2022): 16.770.172 đồng. Kể từ ngày 04/6/2022, bà Trần Thị P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng đã giao kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Công ty T khởi kiện bà Trần Thị P yêu cầu thanh toán nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số 20191022-0000310 giữa hai bên ký kết ngày 21/10/2019 do bà P vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng; bà Trần Thị P có nơi cư trú tại huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Do đó, xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

Trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án cho thấy: Vào ngày 21/10/2019, bà Trần Thị P ký Hợp đồng tín dụng số 20191022-0000310 với Công ty T để vay số tiền 30.595.000 đồng, lãi suất thoả thuận 3.75%/tháng, mục đích vay là để tiêu dùng cá nhân, vay không có tài sản bảo đảm. Công ty T đã giải ngân đủ cho bà Trần Thị P (trong đó chuyển vào tài khoản của bà P là 29.000.000 đồng và tiền vay dùng để mua bảo hiểm tiền vay là 1.595.000 đồng). Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà Trần Thị P có trách nhiệm thanh toán số tiền 57.574.003 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng; 35 tháng đầu, mỗi tháng trả 1.563.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.869.003 đồng. Thời gian bắt đầu trả nợ tính từ ngày 01/12/2019. Sau khi vay vốn,

bà Trần Thị P đã trả cho Công ty T được 10 kỳ, với tổng số tiền 13.999.000 đồng (trong đó: 4.817.398 đồng tiền gốc và 9.181.602 đồng tiền lãi). Kể từ ngày 07/01/2022 đến nay, bà Trần Thị P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo như thỏa thuận tại bảng kế hoạch trả nợ hàng tháng.

Đối chiếu hình thức và nội dung và quá trình thực hiện hợp đồng vay giữa hai bên và điều khoản điều kiện cho vay với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 thì Hợp đồng tín dụng số 20191022-0000310 ngày 21/10/2019 được ký kết giữa các bên đảm bảo các điều kiện của pháp luật về hình thức, nội dung, mức lãi suất và điều kiện có hiệu lực pháp luật của hợp đồng vay tài sản.

Do bà Trần Thị P vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng, nên Công ty T khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị P phải có nghĩa vụ trả toàn bộ khoản nợ gốc còn lại là: 25.777.602 đồng; trả toàn bộ khoản nợ lãi tính đến 03/6/2022 là: 16.770.172.214 đồng. Tổng số tiền yêu cầu là: 42.547.774 đồng. Bà Trần Thị P thừa nhận nợ còn nợ của Công ty T số tiền 42.547.774 đồng, nhưng đề nghị bên Công ty T xem xét cho bà P chỉ trả số nợ gốc là 25.777.602 đồng, đề nghị không thu tiền lãi và được trả nợ hàng tháng cho đến khi xong nợ. Tuy nhiên, bên Công ty T không đồng ý đề nghị của bà P mà yêu cầu bà P thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo thỏa thuận tại hợp đồng vay.

Do vậy, HĐXX có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T, buộc bà Trần Thị P phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 03/6/2022 là: 42.547.774 đồng, trong đó: nợ gốc 25.777.602 đồng, nợ lãi 16.770.172 đồng.

Kể từ ngày 04/6/2022 nếu bà Trần Thị P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng đã giao kết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T đối với bà Trần Thị P về tranh

chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Trần Thị P có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 20191022-0000310 ngày 21/10/2019 tính đến ngày 03/6/2022 là: 42.547.774 *(bốn mươi hai triệu năm trăm bốn bảy ngàn bảy trăm bảy bốn)* đồng, trong đó: nợ gốc 25.777.602 đồng, nợ lãi 16.770.172 đồng.

Kể từ ngày 04/6/2022, bà Trần Thị P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng đã giao kết.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị P phải chịu là 2.127.000 (*hai triệu một trăm hai mươi bảy ngàn)* đồng. Hoàn trả cho Công ty T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.127.000 *(một triệu một trăm hai mươi bảy nghìn)* đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 1948 ngày 04/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Q;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Trần Văn Sinh